

Quan điểm lập quy và khung lý thuyết về áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán doanh nghiệp

 NCS. Ths. Nguyễn Tuấn Duy*

Nhận: 10/8/2020

Biên tập: 20/8/2020

Duyệt đăng: 30/8/2020

Giá trị hợp lý đã được đề cập trong các nghiên cứu về kế toán từ rất lâu. Tuy nhiên, phải đến những năm cuối của thế kỷ XX, giá trị hợp lý mới được sử dụng phổ biến trong kế toán, được thể chế hóa trong các quy định của luật, chuẩn mực kế toán. Bài viết này nghiên cứu các quan điểm lập quy trên cơ sở thông lệ kế toán phổ biến hiện nay là các nguyên tắc Kế toán Mỹ (US GAAP) và hệ thống chuẩn mực quốc tế về báo cáo tài chính (IFRS). Từ đó, bài viết đề xuất khung lý thuyết cơ bản cho việc áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán.

Từ khóa: Quan điểm lập quy, giá trị hợp lý, khung lý thuyết

Abstract

Fair value has been mentioned in accounting studies for a long time. However, until the last years of the twentieth century, fair value were commonly used in accounting, institutionalized in the provisions of laws and accounting standards. This paper examines the regulatory views on the basis of current popular accounting practices, the US accounting principles (US GAAP) and the international financial reporting standards (IFRS). From there, the article proposes a basic theoretical framework for the application of fair values in accounting.

Key words: regulatory views, fair value, theoretical framework.

1. Các quan điểm lập quy về giá trị hợp lý

+ **Quan điểm về giá trị hợp lý theo Hội đồng Chuẩn mực kế toán Mỹ (FASB)**

Cách tiếp cận định giá các yếu tố trên báo cáo tài chính (BCTC) theo cơ sở giá thị trường đã xuất hiện trong thông lệ Kế toán Mỹ, từ giai đoạn trước thế kỷ 20 ở Mỹ. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế năm 1929 - 1939, vấn đề sử dụng giá thị trường ở Mỹ đã bị loại trừ một cách khá triệt để cho tới những năm 1970. Cũng vào giai đoạn này, nhiều lý thuyết kế toán được nghiên cứu và tranh luận

trong đó có việc sử dụng cơ sở tính giá ngoài giá gốc trong kế toán.

Một trong những văn bản đầu tiên trong khuôn khổ quy định về kế toán Mỹ đề cập đến khái niệm giá trị hợp lý (GTHL) là Tuyên bố số 18 của Hội đồng Nguyên tắc Kế toán Mỹ (APB) “Phương pháp vốn chủ sở hữu để kế toán các khoản đầu tư vào cổ phiếu phổ thông” năm 1971. Theo đó, khoản lỗ khi GTHL của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ và khoản lỗ này có tính lâu dài thì phải được ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ.

Đến năm 1973, APB ra Tuyên bố số 29 - Kế toán các giao dịch về tài sản phi tiền tệ. Trong tuyên bố này, cách thức xác định GTHL lần đầu tiên đã được đề cập. APB 29 khuyến nghị GTHL của các giao dịch về tài sản phi tiền tệ được xác định theo giá niêm yết của các tài sản hoàn toàn giống hoặc tương tự.

Năm 1975, SFAS 2 - Kế toán đối với các loại chứng khoán có thể bán quy định các loại chứng khoán được đánh giá thấp hơn giữa giá gốc và giá thị trường. Sự biến động giá thị trường của các chứng khoán đầu tư dài hạn được trình bày thành một khoản mục riêng biệt thuộc vốn chủ sở hữu.

Đến năm 1977, SFAS 15 - Kế toán tại bên đi vay và cho vay đối với các khoản tín dụng tái cấu trúc đã đề cập đến khái niệm GTHL. Cũng trong văn bản này, cách tiếp cận thị trường và phương pháp chiết khấu dòng tiền đã được sử dụng để xác định GTHL.

Về khuôn mẫu lý thuyết, năm 1984, FASB công bố khuôn mẫu lý thuyết về kế toán tài chính (FSAB) 05 - Ghi nhận và đo lường trong báo cáo tài chính doanh nghiệp (Recognition and Measurement in Financial Statement of Business Enterprises) thì cơ sở tính giá trong

* Học viện Tài chính

các quy định về kế toán ở Mỹ đã được mở rộng, bao gồm, giá gốc, giá phí hiện hành, giá thị trường hiện hành, giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị hiện tại. Tuy nhiên, có thể nhận thấy khái niệm chung về GTHL chưa được đề cập trong khuôn mẫu này.

Năm 1991, SFAS 107 - Công bố về GTHL của các công cụ tài chính được ban hành và yêu cầu GTHL của các tài sản và nợ phải trả tài chính phải được công bố bất kể các khoản mục này có được coi là trọng yếu hay không trên các BCTC.

Năm 1993, SFAS 115 - Kế toán các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được ban hành. Trong đó, các khoản đầu tư vào chứng khoán được phân loại thành 3 nhóm: Chứng khoán nợ nắm giữ đến khi đáo hạn, chứng khoán thương mại và chứng khoán nắm giữ để bán. Chuẩn mực này yêu cầu GTHL là cơ sở tính giá cơ bản đối với nhóm chứng khoán thương mại và nắm giữ để bán. Biến động GTHL chưa thực hiện của chứng khoán thương mại được ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ. Ngược lại, biến động GTHL của chứng khoán nắm giữ để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Năm 2000, FASB công bố Chuẩn mực số 133 (FAS133) - Kế toán các công cụ phái sinh và phòng ngừa rủi ro, yêu cầu GTHL được áp dụng để đánh giá các chứng khoán phái sinh. Việc ghi nhận biến động GTHL phụ thuộc vào cách phân loại chứng khoán phái sinh và hoạt động phòng ngừa rủi ro.

Năm 2001, FASB công bố Chuẩn mực số 141 - Hợp nhất kinh doanh. Chuẩn mực này quy định các giao dịch hợp nhất kinh doanh phải được kế toán theo phương pháp mua lại. Theo đó, giá phí hợp nhất kinh doanh được xác định theo

GTHL và giá phí này được phân bổ cho các tài sản/nợ phải trả trên cơ sở GTHL.

Như vậy, có thể nhận thấy, trong những năm cuối của thế kỷ XX, GTHL đã bước đầu được sử dụng khá nhiều trong khuôn khổ quy định về kế toán ở Mỹ. Tuy nhiên, việc sử dụng GTHL mới gắn với các chuẩn mực kế toán cụ thể mà chưa có sự nhất quán trong cách hiểu và quy định về nội dung, cách tiếp cận và đặc biệt là phương pháp chung để xác định GTHL. Để xử lý vấn đề này, FASB thấy rằng cần nghiên cứu và ban hành một chuẩn mực kế toán riêng về đo lường GTHL.

Tháng 9/2006, FASB ban hành FAS 157 - Đo lường GTHL. Sau đó, FAS 157 được chính thức hóa thành khung khái niệm (ASC) 820. Đây là chuẩn mực quy định một cách tổng thể và có hệ thống về áp dụng GTHL trong khuôn khổ kế toán Mỹ hiện nay.

Từ năm 2002, FASB và Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB) đã thực hiện chung một dự án, nhằm hài hòa các quy định của hệ thống chuẩn mực kế toán do hai tổ chức này ban hành. Một trong những vấn đề quan trọng của dự án này là các quy định về đo lường GTHL. Và kết quả ban đầu đạt được là, FASB đã ban hành văn bản về cập nhật Chuẩn mực (ASU) 2004 - 4 sửa đổi, bổ sung các quy định của ASC 820 và IASB ban hành IFRS 13 - Đo lường GTHL. Như đã trình bày ở trên, có thể khẳng định quan điểm của FASB và IASB là tương đồng trong những vấn đề cơ bản về xác định và áp dụng GTHL.

+ Quan điểm về giá trị hợp lý theo IASB

Khuôn khổ quy định về GTHL của IASB được hình thành muộn

hơn so với các quy định tương ứng ở Mỹ. Cách tiếp cận giá đầu ra đã được IASB vận dụng trong các chuẩn mực kế toán ban hành từ những năm 1970, trong đó tiêu biểu là sử dụng giá trị thuần có thể thực hiện được trong chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) 02 - Hàng tồn kho.

Tuy nhiên, khái niệm GTHL chỉ được đề cập khi IASB ban hành các chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính, gồm IAS 25 - Kế toán các khoản đầu tư, ban hành năm 1986; IAS 39 - Công cụ tài chính: Ghi nhận và đo lường, ban hành năm 1998. Từ khi ban hành đến nay, IAS 39 đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Đến năm 2014, IAS 39 đã chính thức được IASB thay thế bởi IFRS 09 - Công cụ tài chính để phù hợp với quan điểm mới về kế toán các công cụ tài chính.

Đối với các tài sản phi tài chính, GTHL bắt đầu được sử dụng trong các khuôn khổ quy định liên quan đến nhà xưởng, máy móc thiết bị (IAS 16), bất động sản đầu tư (IAS 40), nông nghiệp (IAS 41), tổn thất tài sản (IAS 36), thuê tài sản (IAS 17, IFRS 16), tài sản vô hình (IAS 38)...

Kể từ khi IASB chuyển sang ban hành các chuẩn mực quốc tế về báo cáo tài chính (IFRSs), một số chuẩn mực mới được ban hành trong thời gian gần đây cũng áp dụng mô hình GTHL như một mô hình tính giá cơ bản như IFRS 02 - Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu, IFRS 05 - Tài sản dài hạn nắm giữ để bán và các hoạt động bị ngừng...

Quan điểm của IASB được thể hiện, thông qua ban hành khuôn mẫu lý thuyết về kế toán. Tuy nhiên, trong khuôn mẫu lý thuyết kế toán ban hành năm 1989 và lần sửa đổi gần đây nhất năm 2010, IASB đều chưa đề cập đến khái niệm GTHL và quan điểm chính

thức về GTHL. Như trình bày trong phần quan điểm về GTHL theo FASB ở trên, kể từ năm 2002, IASB và FASB đã bắt đầu triển khai một dự án chung nhằm hài hòa khuôn khổ quy định của hai tổ chức lập quy có ảnh hưởng nhất hiện nay. Một trong những kết quả đặc biệt quan trọng của dự án này là sự hài hòa quan điểm về đo lường GTHL. Năm 2013, IASB ban hành IFRS 13 - Đo lường GTHL nhằm thống nhất việc xác định và sử dụng GTHL trong khuôn khổ hệ thống chuẩn mực kế toán/chuẩn mực quốc tế về BCTC.

GTHL gây ra nhiều tranh luận về mặt lý thuyết cũng như việc ứng dụng trong thực tiễn như đã được trình bày trong phần Tổng quan nghiên cứu. Có nhiều ý kiến ủng hộ và cũng không ít ý kiến cảnh báo hậu quả của GTHL, đặc biệt là trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế, tài chính. Tuy nhiên, việc các cơ quan lập quy về kế toán quốc tế (IASB, FASB) đã ban hành các quy định về GTHL cũng như kế toán các quốc gia vẫn hướng đến, hội tụ kế toán toàn cầu theo các quy định và thông lệ chung thì GTHL vẫn đang được áp dụng triển khai trên thực tế ở nhiều quốc gia, nền kinh tế.

2. Khung lý thuyết áp dụng giá trị hợp lý trong kế toán

+ Nguyên tắc ghi nhận ban đầu các đối tượng kế toán theo giá trị hợp lý

Trên thực tế, trong những năm gần đây, một số chuẩn mực kế toán tài chính Mỹ và IAS/IFRS cho phép việc sử dụng GTHL để ghi nhận ban đầu đối với một số tài sản và nợ phải trả. Để đảm bảo tính thống nhất trong vấn đề này, IFRS 13 và FAS 157 đều đề cập và hướng dẫn việc sử dụng GTHL khi ghi nhận ban đầu các tài sản/nợ phải trả.

Khi tài sản được mua hoặc khoản nợ phải trả phát sinh, mức giá của giao dịch hình thành tài sản hoặc làm phát sinh khoản nợ này được gọi là giá đầu vào. Trong một số trường hợp, giá đầu vào và giá đầu ra của tài sản/ nợ phải trả trên cùng một thị trường ở cùng một thời điểm là giống nhau, tuy nhiên về mặt khái niệm, giá đầu vào và giá đầu ra là khác nhau. Vấn đề đặt ra đối với đơn vị báo cáo là, khi giá đầu vào và giá đầu ra (GTHL) là khác nhau thì đơn vị báo cáo sẽ phải xử lý như thế nào?

Có hai trường hợp xảy ra khi xử lý vấn đề này:

Trường hợp 1 - Giá giao dịch phản ánh đúng GTHL

Khi giá giao dịch phản ánh đúng GTHL, giá giao dịch sẽ được sử dụng để ghi nhận ban đầu cho các tài sản/nợ phải trả. Trường hợp này không làm phát sinh các khoản thu nhập/tồn thất khi ghi nhận ban đầu đối với các tài sản/nợ phải trả.

Trường hợp 2 - Giá giao dịch không phản ánh GTHL

Khi giá giao dịch thực tế hình thành tài sản hoặc làm phát sinh các khoản nợ không phản ánh đúng GTHL. Theo một số chuẩn mực kế toán cụ thể đơn vị phải xác định GTHL của tài sản/nợ phải trả để ghi nhận ban đầu. Trong trường hợp này có thể làm phát sinh các khoản thu nhập/tồn thất khi ghi nhận ban đầu (gains/loses in day one). IFRS 13 và FAS 157, cho phép các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ trừ khi các chuẩn mực kế toán cụ thể có quy định khác.

Khi xem xét giá giao dịch thực tế có khác biệt với GTHL của tài sản và nợ phải trả hay không, đơn vị báo cáo cần cân nhắc các khía cạnh sau:

- Giao dịch với các bên liên quan. Trong nhiều trường hợp giá cả trong giao dịch với các bên liên quan không phản ánh GTHL của tài sản/nợ phải trả, trừ khi đơn vị chứng minh được rằng giao dịch này được thực hiện theo các điều kiện hoàn toàn phù hợp với thị trường.

- Giao dịch diễn ra trong các điều kiện không bình thường, trong đó bên mua hoặc bên bán bị buộc phải mua hoặc bán tài chính. Ví dụ, bên bán có thể bị buộc phải bán tài sản do gặp khó khăn tài chính.

- Trường hợp mà giao dịch mua tài sản/phát sinh nợ thực tế xảy ra không phải là thị trường chủ yếu để xác định GTHL của tài sản/nợ phải trả. Ví dụ, đơn vị báo cáo chủ yếu kinh doanh bán buôn nhưng lại thực hiện giao dịch mua tài sản với khách hàng trên thị trường bán lẻ. Khi đó, thị trường phát sinh giao dịch thực tế khác với thị trường chủ yếu mà tài sản được giao dịch (thị trường bán buôn).

- Đối tượng tài sản/nợ phải trả trong giao dịch khác biệt với đối tượng tài sản/nợ phải trả trên thị trường chủ yếu để xác định GTHL. Đây là trường hợp thường xảy ra khi đơn vị báo cáo mua một nhóm tài sản hoặc các tài sản phức hợp mà trên thị trường không giao dịch theo đơn vị tương tự.

Tất cả những khía cạnh này đều có thể khiến cho GTHL của tài sản/nợ phải trả phát sinh trong giao dịch có thể được xác định mà thiếu đi độ tin cậy và tính hợp lý.

+ Nguyên tắc xử lý sau ghi nhận ban đầu các đối tượng kế toán theo giá trị hợp lý

- Đánh giá sau ghi nhận ban đầu theo GTHL

Theo mô hình GTHL, GTHL được sử dụng để đánh giá sau ghi nhận ban đầu đối với các khoản

mục trên BCTC. IFRS 13 và FAS 157 không đề cập cụ thể vấn đề này. Tuy nhiên, trong các chuẩn mực kế toán cụ thể của hệ thống Chuẩn mực Kế toán Mỹ và hệ thống IASs/IFRSs, việc sử dụng GTHL sau ghi nhận ban đầu đã được đề cập khá phong phú. Trong phần tiếp theo, tác giả sẽ trình bày cụ thể việc áp dụng GTHL sau ghi nhận ban đầu theo khuôn khổ kế toán của IAS/IFRS và FAS.

- *Ghi nhận biến động GTHL sau ghi nhận ban đầu*

Một vấn đề đặc biệt quan trọng trong áp dụng mô hình GTHL là vấn đề xử lý kế toán đối với các khoản biến động theo GTHL sau ghi nhận ban đầu. Vấn đề này cần được xem xét gắn với từng loại tài sản/nợ phải trả và có sự khác biệt giữa các quy định khác nhau.

Tuy nhiên, về góc độ lý thuyết, việc xử lý biến động do thay đổi GTHL của tài sản và nợ phải trả có thể được thực hiện theo các phương án sau:

- *Ghi nhận biến động GTHL vào báo cáo lãi/lỗ*

Việc ghi nhận biến động GTHL vào báo cáo lãi/lỗ của kỳ hiện tại, thể hiện quan điểm xác định kết quả hoạt động theo cách tiếp cận kinh tế học. Cách tiếp cận này đã được đề xuất trong thập kỷ 1960 và 1970, bởi các học giả ủng hộ mô hình kế toán theo giá hiện hành và giá đầu ra. Tuy nhiên, việc ghi nhận biến động GTHL vào báo cáo lãi/lỗ mâu thuẫn với nguyên tắc thực hiện và thiếu sự thận trọng, nên phương pháp này chủ yếu được áp dụng với các tài sản mà GTHL biến động thường xuyên và thời gian biến động GTHL được thực hiện là ngắn.

- *Ghi nhận biến động GTHL vào báo cáo kết quả toàn diện*

Khái niệm kết quả toàn diện là một trong những biểu hiện cụ thể của việc áp dụng quan điểm kinh tế học trong khuôn khổ quy định về kế toán trong những năm cuối của thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21. Theo đó, kết quả toàn diện không chỉ bao gồm lợi nhuận thực hiện từ hoạt động thông thường và hoạt động khác của doanh nghiệp mà còn bao gồm biến động đánh giá lại tài sản/nợ phải trả trong một số trường hợp.

Khi GTHL được sử dụng để đánh giá tài sản/nợ phải trả sau ghi nhận ban đầu. Biến động GTHL của một số tài sản/ nợ phải trả được ghi nhận vào kết quả toàn diện. Thông thường, các biến động này cần được trình bày riêng biệt và trên cơ sở thuần. Cần lưu ý rằng, khi các biến động GTHL (Gains or loses) đã được trình bày vào kết quả toàn diện thì khi các biến động này được thực hiện (khi bán tài sản hoặc thanh toán nợ), đơn vị không trình bày lại các khoản thu nhập/tồn thất liên quan vào báo cáo lãi/lỗ.

- *Ghi nhận biến động GTHL trực tiếp vào VCSH*

Nhiều ý kiến của các học giả cho rằng, biến động GTHL của các tài sản/nợ phải trả mà doanh nghiệp hiện đang nắm giữ không liên quan trực tiếp đến hoạt động tạo ra kết quả của doanh nghiệp. Vì vậy, việc ghi nhận biến động GTHL vào báo cáo lãi/lỗ hoặc báo cáo kết quả toàn diện đều không phù hợp. Các ý kiến này khuyến nghị ghi nhận biến động GTHL trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, cho đến khi các biến động này được thực hiện sẽ điều chỉnh ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ.

Như vậy, về góc độ lý thuyết có những quan điểm nghiên cứu khác nhau về phương pháp ghi nhận biến động GTHL sau ghi nhận ban đầu

tài sản/nợ phải trả. Tuy nhiên, khuôn khổ quy định của các tổ chức lập quy kế toán thường không thiên về một quan điểm cụ thể nào mà có sự vận dụng kết hợp các quan điểm này đối với từng nhóm tài sản/nợ phải trả cụ thể. ■

Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Tài chính (2005), *Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính.

[2]. Quốc Hội (2015), *Luật Kế toán Việt Nam năm 2015*.

[3] Báo cáo đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc (ROSC) – lĩnh vực kế toán và kiểm toán, công bố tháng 5/2016.

[4]. FASB, các văn bản, tuyên bố và khung khái niệm Chuẩn mực Kế toán Mỹ.

[5].IASB, các Chuẩn mực Kế toán quốc tế/Chuẩn mực quốc tế về BCTC.

[6].Sterling Robert (1970), *Theory of measurement of Enterprise income*, University Press of Kansas.

[7].Sterling Robert (1971), *Asset valuation and Income determination*, Scholar book Co. 1971.

[8].Larson. K and Schattke, R (1966), *Current cash equivalent, Additivity and Financial action*, Accounting Review, October 1966.

[9].Jammes McKeown (1973), *Comparative application of market and cost based accounting models*, Journal of Accounting research, Spring 1973.

[10].Recharđ Mattessich (1971), *The market value method accounting to Sterling: A review article*, Abacus, Vol 7, No2, 1971.

[11].Ernst & Young (2012), *Applying IFRS 13*, October 2012.

[12]Ian E. Scot (2010), *Fair value, friend or foe?*, William & Marry Business law review, Volume 1, issue 2, 2010.

[13].Andrea Enria (Europea central bank), *Fair value and financial stability*, 2004.

[14].David J.Emmerson (2010), *Fair value accounting: A historical aspect of the most controversial accounting issues in decades*, Journal of economics and business research, April, 2010.